

THÔNG TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH SỞ NỘI VỤ TỈNH LAI CHÂU

SỐ 12

07/6 - 21/6
2026

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu

THÔNG TIN CCHC CỦA TRUNG ƯƠNG

Quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo



Chính phủ ban hành Nghị định số 197/2026/NĐ-CP quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong đó, đáng chú ý là các quy định về thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu liên quan đến giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các cấp, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Vị trí, vai trò và giá trị pháp lý của Cơ sở dữ liệu

Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu được xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, nhằm thu thập, lưu trữ, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu được cập nhật, quản lý theo thời gian thực; có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch

điện tử, dữ liệu và pháp luật có liên quan; được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ, tài liệu bản giấy trong trường hợp đáp ứng điều kiện về tính toàn vẹn, xác thực, khả năng truy cập, sử dụng và pháp luật không có quy định khác

Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu được số hóa, chuẩn hóa, bao gồm dữ liệu có cấu trúc và dữ liệu phi cấu trúc, được tổ chức và quản lý theo cấu trúc phù hợp, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông và khai thác giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định của pháp luật; xác định và phân loại theo cấp độ an toàn dữ liệu trong quá trình lưu trữ, chia sẻ và khai thác, bảo đảm kiểm soát, theo dõi hoạt động truy cập và kịp thời phát hiện, xử lý sự cố, bảo đảm an ninh mạng, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi xảy ra sự cố làm lộ, mất hoặc bị truy cập trái phép dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu được đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

Nghị định quy định việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Dữ liệu được rà soát, cập nhật, quản lý bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác, thống nhất, đồng bộ và đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu chặt chẽ, an toàn, ổn định, thông suốt; việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện theo phân quyền, đúng mục đích, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm lấy người dân làm trung tâm, tạo điều kiện để người dân theo dõi, giám sát quá trình xử lý vụ việc của mình trên môi trường số.

Việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm công khai, minh bạch, có khả năng truy xuất nguồn gốc, lịch sử cập nhật và chủ thể thực hiện, có thể kiểm tra, giám sát, làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Bảo đảm tự động hóa, số hóa toàn trình quản lý, xử lý dữ liệu, hạn chế tối đa việc xử lý thủ công.

Thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu

Nghị định quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập vào Cơ sở dữ liệu để thực hiện các hoạt động liên quan đến nhập, chuyển, xử lý đơn; giải quyết, theo dõi, nhận kết quả; khai thác và sử dụng dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quyền hạn được giao.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu bao gồm:

a) Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước, các Phó Thủ tướng Chính phủ và Thành viên Chính phủ, các Phó Chủ tịch Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

b) Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban Đảng Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

c) Các ban của HĐND cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh, Văn phòng UBND cấp tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy và các Ban thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và đại biểu HĐND cấp tỉnh có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh;

d) Văn phòng HĐND và UBND cấp xã, Văn phòng và các ban thuộc Đảng ủy cấp xã, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại biểu HĐND cấp xã có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của UBND cấp xã.

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

Nghị định nêu rõ: Việc khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục bí mật Nhà nước trong Cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Việc khai thác dữ liệu được thực hiện chủ yếu thông qua phương thức điện tử trên cơ sở phân quyền truy cập; hạn chế việc cung cấp dữ liệu bằng văn bản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Công dân có quyền được cung cấp thông tin cá nhân của mình do cơ quan Nhà nước thu thập, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu theo quy định; có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi phát hiện thông tin không chính xác theo quy định của pháp luật.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1/7/2026.

Đánh dấu bước chuyển sang giai đoạn phát triển toàn diện kinh tế số và xã hội số



Ảnh: VGP/TG

Việc ban hành Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 – 2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng từ giai đoạn xây dựng nền tảng sang giai đoạn phát triển toàn diện kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam.

Ngày 9/6, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1033/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030.

Đây là Chương trình quốc gia có ý nghĩa quan trọng nhằm cụ thể hóa các chủ trương lớn của Đảng, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đồng thời góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

Bộ KH&CN cho biết, Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 được xây dựng theo cách tiếp cận tổng thể, toàn diện và bao trùm, thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn bộ nền kinh tế và đời sống xã hội.

Chương trình bao quát hầu hết các ngành, lĩnh vực trọng yếu như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, logistics, năng lượng, giáo dục, y tế, tài chính - ngân hàng, văn hóa, du lịch, đồng thời mở rộng sang các lĩnh vực mới nổi như kinh tế dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, kinh tế không gian tầm thấp và kinh tế vũ trụ.

Trong đó, một số mục tiêu nổi bật đến năm 2030 gồm: Kinh tế số đóng góp khoảng 30% GDP; hỗ trợ tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; hình thành tối thiểu 05 sàn dữ liệu; 100% người dân từ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử; đào tạo kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 10 triệu lượt người trong độ tuổi lao động.

Chương trình đặt ra 27 chỉ tiêu quốc gia và chỉ tiêu ngành, lĩnh vực đến năm 2030, đồng thời giao 115 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai đồng bộ trên phạm vi toàn quốc, bao gồm hoàn thiện thể chế và hành lang pháp lý; phát triển hạ tầng số hiện đại; phát triển nền tảng số và hệ sinh thái số; phát triển kinh tế dữ liệu; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo; bảo đảm an ninh mạng; phát triển nhân lực số; phát triển công dân số; phát triển doanh nghiệp công nghệ số; đổi mới quản trị số và phát triển các thị trường mới dựa trên dữ liệu, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Với tính chất là một chương trình liên ngành, liên lĩnh vực, Bộ KH&CN được giao làm cơ quan đầu mối chủ trì, điều phối chung việc triển khai trên phạm vi toàn quốc, bảo đảm sự đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương trong phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số và các chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số của từng ngành, lĩnh vực.

Việc ban hành Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 – 2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng từ giai đoạn xây dựng nền tảng sang giai đoạn phát triển toàn diện kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam.

Cùng với Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2026 - 2030, Chương trình góp phần hoàn thiện đầy đủ ba trụ cột của chuyển đổi số quốc gia gồm Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số, tạo khuôn khổ tổng thể để các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và đưa Việt Nam phát triển thịnh vượng trong kỷ nguyên số.

Tác giả: Thu Giang, nguồn: <https://baochinhphu.vn/>

Tăng tốc triển khai Nghị quyết 57: Nhiều kết quả tích cực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong tháng 5/2026, Bộ KH&CN đã đạt nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Từ hoàn thiện thể chế, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đến thúc đẩy chuyển đổi số và hợp tác quốc tế, nhiều chỉ số quan trọng tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng, góp phần tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội.



Thư trưởng Bộ KH&CN Bùi Hoàng Phương thông tin về tình hình hoạt động và những kết quả nổi bật của ngành trong tháng 5/2026 - Ảnh: VGP/TG

Nhiều chỉ số tăng trưởng tích cực

Tháng 5/2026 đánh dấu những chuyển biến tích cực trong quá trình hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết 57-NQ/TW, với nhiều kết quả nổi bật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Theo Bộ KH&CN, tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa công nghệ cao trong quý I/2026 đạt 50,76%, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của khoa học và công nghệ trong cơ cấu xuất khẩu của nền kinh tế.

Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia tiếp tục được quốc tế ghi nhận. Theo Báo cáo Chỉ số Hệ sinh thái Khởi nghiệp Toàn cầu 2026 của StartupBlink, Việt Nam tăng 5 bậc, vươn lên vị trí thứ 50 thế giới, mức xếp hạng cao nhất từ trước đến nay.

Đây được xem là tín hiệu tích cực phản ánh môi trường đổi mới sáng tạo của Việt Nam đang ngày càng được cải thiện, đồng thời khẳng định hiệu quả của các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thời gian qua.

Lũy kế đến hết tháng 5/2026, cả nước có 963 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 20 sàn giao dịch khoa học và công nghệ cùng 37 trung tâm đổi mới sáng tạo tại 26 trong số 34 tỉnh, thành phố.

Trong lĩnh vực chuyển đổi số, tỉ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trong tháng đạt 50,2%. Đặc biệt, tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế

số năm 2025 ước đạt 14,02% GDP, tương đương khoảng 72,1 tỷ USD, tiếp tục khẳng định vị thế ngày càng quan trọng của kinh tế số trong nền kinh tế quốc dân.

Hạ tầng số tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Tốc độ băng rộng di động của Việt Nam đạt 207,3 Mbps, xếp thứ 11 trong số 104 quốc gia; tốc độ băng rộng cố định đạt 287,33 Mbps, đứng thứ 11 trong số 154 quốc gia. Cả nước hiện có 110,5 triệu thuê bao truy nhập Internet băng rộng di động, trong đó có 24,29 triệu thuê bao 5G và 25,62 triệu thuê bao Internet băng rộng cố định.

Bên cạnh đó, doanh thu dịch vụ bưu chính trong tháng 5/2026 ước đạt 8.500 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự phát triển sôi động của các dịch vụ số và thương mại điện tử.

Hoàn thiện thể chế, tháo gỡ điểm nghẽn cho phát triển

Cùng với việc thúc đẩy các chỉ tiêu phát triển, Bộ KH&CN tiếp tục xác định hoàn thiện thể chế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết 57.

Trong tháng 5/2026, Bộ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành 2 nghị định, 2 nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 11 quyết định và ban hành theo thẩm quyền 4 thông tư.

Các chính sách tập trung hoàn thiện hành lang pháp lý cho công nghệ mới và công nghệ chiến lược; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tăng cường quản lý nhà nước, phát triển hạ tầng kỹ thuật, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh và phát triển bền vững.

Trong tháng 5/2026, Bộ KH&CN đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy triển khai hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW, tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, nhiều sự kiện lớn như Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam, Triển lãm Sách KH&CN và Techmart AI 2026 đã góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội.

Bên cạnh hoàn thiện thể chế trong nước, Bộ KH&CN tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược được Nghị quyết 57 xác định là động lực phát triển trong giai đoạn mới.

Trong tháng 5/2026, Bộ KH&CN tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy phát triển các lĩnh vực công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn, 6G, công nghệ vệ tinh và chuyển đổi số. Thông qua các diễn đàn, hội đàm và hoạt động cấp cao với Ấn Độ, Sri Lanka, Thụy Điển, Singapore, Hoa Kỳ, Thái Lan và Philippines, Bộ đã mở rộng cơ hội hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ.

Trong tháng 6/2026, Bộ KH&CN sẽ tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và các nhiệm vụ chiến lược của ngành.

Trọng tâm là hoàn thiện thể chế, chính sách trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, bưu chính và viễn thông; đồng thời đẩy mạnh phát triển các công nghệ chiến lược, tạo nền tảng cho tăng trưởng trong dài hạn.

Bộ cũng sẽ nghiên cứu triển khai Đề án tái cấu trúc các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; hoàn thiện Đề án Sàn giao dịch khoa học và công nghệ quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số cùng nhiều nhiệm vụ quan trọng khác.

Những kết quả đạt được trong tháng 5 cho thấy Nghị quyết 57-NQ/TW đang tiếp tục tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Việc đồng thời thúc đẩy hoàn thiện thể chế, phát triển công nghệ chiến lược, mở rộng hợp tác quốc tế và tăng cường hạ tầng số đang góp phần đưa khoa học, công nghệ trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

Tác giả: Thu Giang, nguồn: <https://baochinhphu.vn/>

14 lĩnh vực người có chức vụ không được thành lập doanh nghiệp sau khi thôi chức

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 32/2026/TT-BKH&CN quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.



Thông tư này quy định danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đó sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp, hợp tác xã) trong lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý.

Theo Thông tư quy định, các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ mà người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đó sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý bao gồm:

14 lĩnh vực người có chức vụ không được thành lập doanh nghiệp sau khi thôi chức

Thông tư này quy định danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đó sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp, hợp tác xã) trong lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý.

Theo Thông tư quy định, các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ mà người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đó sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý bao gồm:

1. Nghiên cứu khoa học.
 2. Phát triển công nghệ.
 3. Đổi mới sáng tạo.
 4. Sở hữu trí tuệ.
 5. Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.
 6. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.
 7. Bưu chính.
 8. Viễn thông.
 9. Tần số vô tuyến điện.
 10. Công nghiệp công nghệ số.
 11. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.
 12. Giao dịch điện tử.
 13. Trí tuệ nhân tạo.
 14. Quản lý doanh nghiệp nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ làm đại diện chủ sở hữu.
 15. Chương trình, nhiệm vụ, đề án và dự án thuộc các lĩnh vực được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 nêu trên do người thôi giữ chức vụ, quyền hạn khi đang là cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp nghiên cứu, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt.
- Thời hạn không được thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc lĩnh vực trước đây có trách nhiệm quản lý

Thông tư nêu rõ, đối với người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong các lĩnh vực quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 nêu trên là đủ 6 tháng kể từ ngày thôi quyền hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong các lĩnh vực quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 nêu trên là đủ 12 tháng kể từ ngày thôi quyền hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong các lĩnh vực quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 nêu trên là đủ 12 tháng kể từ ngày thôi chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong các lĩnh vực quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 nêu trên là đủ 24 tháng kể từ ngày thôi chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Đối với người thôi giữ chức vụ khi đang là cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp nghiên cứu, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt chương trình, nhiệm vụ, đề án và dự án quy định tại khoản 15 nêu trên, thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã là thời hạn thực hiện xong chương trình, nhiệm vụ, đề án và dự án.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2026.

Tác giả: Minh Đức, nguồn: <https://baochinhphu.vn/>

Tránh tình trạng luật chờ nghị định, nghị định chờ thông tư

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn lưu ý việc đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật, tránh tình trạng 'luật chờ nghị định, nghị định chờ thông tư'.

Sáng 16.6, tại hội nghị triển khai thực hiện định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, [Chủ tịch Quốc hội](#) Trần Thanh Mẫn lưu ý nhiều nội dung nhằm nâng cao chất lượng [xây dựng pháp luật](#).

Theo Chủ tịch Quốc hội, luật có chất lượng, tuổi thọ cao hay không phụ thuộc rất lớn vào khâu chuẩn bị ban đầu. Các bộ, ngành, Chính phủ cần xây dựng đầy đủ thủ tục hồ sơ, đảm bảo tiến độ, chất lượng; khi qua Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội thẩm tra mới đảm bảo chất lượng.

Cạnh đó, toàn bộ quy trình lập pháp phải gắn với kiểm soát quyền lực, nâng cao trách nhiệm giải trình, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; tuyệt đối không để xảy ra lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.



Chủ tịch Quốc hội Trần
Thanh Mẫn

ẢNH: GIA HÂN

"Mục tiêu là khắc phục triệt để những hạn chế nhiệm kỳ trước; đồng thời tiếp tục đổi mới tư duy, phương thức thực hiện, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI)", Chủ tịch Quốc hội nói.

Chủ tịch Quốc hội cũng dẫn tinh thần của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, khẳng định pháp luật không chỉ để quản lý cái đã có mà còn phải mở đường cho cái mới; không chỉ điều chỉnh thực tiễn hiện hữu mà còn phải kiến tạo tương lai; không chỉ "mở đường" mà còn "sửa đường".

Chủ tịch Quốc hội nhắc lại câu chuyện mình từng phát biểu tại hội nghị chuyên trách cách đây 2 năm, về việc một kỳ họp của Nhật Bản thông qua 230 luật, mỗi luật chỉ 2 - 5 trang, trong khi đó "luật của mình mấy trăm trang, mấy trăm điều", "1 - 2 năm mới ra được".

Thực tiễn trên đòi hỏi phải có sự đổi mới trong tư duy xây dựng pháp luật. Và điều đáng mừng là công tác này đã đạt được những kết quả tích cực.

Chủ tịch Quốc hội cho hay, kể từ kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, các dự án luật được xây dựng trên nguyên tắc Quốc hội chỉ ban hành khung, nghị định là do Chính phủ, thông tư là do bộ. Nếu không có sự thay đổi, không thể làm được khối lượng công việc lớn như thế, không thể gỡ được nhiều điểm nghẽn như vậy.



ẢNH: GIA HÂN

Cần thực chất trong việc lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động

Bên cạnh kết quả, Chủ tịch Quốc hội cũng thẳng thắn nhìn nhận về một số hạn chế còn tồn tại. Điển hình là việc chuẩn bị dự án luật chậm tiến độ, xảy ra tình trạng xin lùi thời gian trình Quốc hội xem xét thông qua.

Cùng đó là việc chuẩn bị chưa kỹ lưỡng nên một số luật mới ban hành đã phải sửa đổi. Một hạn chế khác là tình trạng chậm ban hành văn bản quy phạm pháp luật chi tiết, như luật Công đoàn có hiệu lực từ 1.7.2025 nhưng đến nay vẫn chưa ban hành đủ văn bản quy phạm pháp luật chi tiết...

Chủ tịch Quốc hội nói "rất mừng" khi mới đây Thủ tướng Lê Minh Hưng đã có yêu cầu khi trình luật là phải có nghị định, thông tư. Do đó, cần thực hiện ngay việc này, tránh tình trạng luật chờ nghị định, nghị định chờ thông tư.

Các cơ quan soạn thảo cần thực chất trong việc lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động, nhà khoa học, chuyên gia...; khắc phục việc văn bản khi chưa xây dựng thì không có ý kiến góp ý nhưng khi ban hành lại gặp phản ứng.

Đồng thời, phải chủ động phối hợp chặt chẽ ngay từ đầu với các cơ quan của Quốc hội, cơ quan liên quan để chuẩn bị kỹ hồ sơ dự án cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp. Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội sẽ chịu trách nhiệm về chất lượng luật cùng với đơn vị soạn thảo, "không thể làm qua loa, đại khái".

Tác giả: Tuyền Phan, nguồn <https://thanhnien.vn/>

Đề xuất mới về biên chế công chức cấp tỉnh, cấp xã

Bộ Nội vụ [đề xuất](#) biên chế công chức được xác định trên cơ sở vị trí việc làm, khối lượng công việc và nhiều yếu tố.



Ảnh: Hương Nha

Bộ Tư pháp đang thẩm định dự thảo Nghị định về quản lý, sử dụng biên chế công chức được [Bộ Nội vụ](#) chủ trì xây dựng.

Tại dự thảo Nghị định, Bộ Nội vụ đề xuất quy định về căn cứ xác định biên chế công chức. Theo đó biên chế công chức được xây dựng trên vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm công chức theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức hành chính.

Việc cải tiến quy trình, thay đổi phương thức hoạt động, quy chế làm việc; mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuyển đổi số; phân cấp, phân quyền cũng là yếu tố tác động đến số lượng công chức.

Biên chế công chức còn xây dựng trên thực tế quản lý, sử dụng biên chế công chức được giao; việc ký hợp đồng một số nhiệm vụ của công chức theo quy định tại Điều 21 Luật Cán bộ, công chức.

Đối với tổ chức hành chính ở cấp tỉnh, cấp xã, thì việc xác định biên chế này cần căn cứ vào số lượng, phân loại đơn vị hành chính cấp xã, dân số, diện tích, mức độ phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù.

Dự thảo nghị định cũng nêu rõ thẩm quyền quyết định giao biên chế công chức của bộ, địa phương.

Theo dự thảo, căn cứ số biên chế công chức 5 năm, hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giao biên chế công chức với từng bộ trước ngày 1.10 năm trước liền kề năm kế hoạch hoặc kỳ kế hoạch.

Căn cứ biên chế công chức 5 năm, hằng năm được Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao, người đứng đầu Bộ quyết định giao biên chế công chức hằng năm đối với từng cơ quan sử dụng biên chế công chức thuộc phạm vi quản lý trước ngày 31.10 năm trước liền kề năm kế hoạch.

Còn tại địa phương, UBND tỉnh lên phương án phân bổ biên chế công chức hằng năm đối với các cơ quan sử dụng biên chế công chức của cấp tỉnh và cấp xã.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định giao biên chế công chức hằng năm trong các Ban của HĐND tỉnh, tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh, các Ban của HĐND xã và tổ chức hành chính thuộc UBND xã trong số biên chế công chức hằng năm được cơ quan có thẩm quyền giao trước ngày 1.10 năm trước liền kề năm kế hoạch.

Liên quan đến quy định giao biên chế công chức của cơ quan đại diện, Bộ Nội vụ đề xuất trên cơ sở [biên chế công chức](#) 5 năm, hằng năm của cơ quan đại diện được cấp có thẩm quyền giao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành quyết định giao biên chế công chức hằng năm của cơ quan đại diện đối với từng bộ trước ngày 1.10 năm trước liền kề năm kế hoạch.

Trên cơ sở đó, người đứng đầu bộ quyết định giao biên chế công chức hằng năm đối với cơ quan đại diện thuộc phạm vi quản lý trước ngày 31.10 năm trước liền kề năm kế hoạch.

Hằng năm, người đứng đầu bộ quyết định giao, điều chỉnh biên chế công chức đối với từng cơ quan đại diện thuộc phạm vi quản lý.

Tác giả: Lương Hạnh, nguồn: <https://laodong.vn/>

Bộ Nội vụ: Cấp xã được ký hợp đồng lao động hỗ trợ công chức làm chuyên môn

Các địa phương được ký kết hợp đồng lao động để hỗ trợ công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao tại các vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ ở cấp xã, Bộ Nội vụ cho hay.

Rà soát, đánh giá tổng thể chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở cấp xã

Bộ Nội vụ vừa có công văn gửi UBND các tỉnh, thành phố về việc triển khai giải pháp bổ sung nguồn [nhân lực](#) cho cấp cơ sở.

Trước đó, Bộ Nội vụ cũng đã có Văn bản số 7415 gửi các tỉnh, thành phố đề nghị tập trung triển khai phương án bảo đảm nhân sự tại cấp xã đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đề ra và kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn thực hiện, theo chỉ đạo tại kết luận của cấp có thẩm quyền, Bộ Nội vụ đề nghị UBND các tỉnh, thành phố đôn đốc các xã, phường, đặc khu thuộc phạm vi quản lý thực hiện các giải pháp theo văn bản trên.

Đồng thời, Bộ Nội vụ cũng đề nghị các địa phương khẩn trương rà soát, đánh giá tổng thể chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở cấp xã và khả năng đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm được giao đảm nhận (bảo đảm nguyên tắc đúng người, đúng việc, đúng địa bàn). Qua đó, các địa phương xác định cụ thể nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực theo từng vị trí việc làm để thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức trong phạm vi biên chế được giao.

Cơ quan này cũng đề nghị địa phương rút gọn tối đa về thời gian thực hiện quy trình tuyển dụng, tiếp nhận theo Nghị định số 170/2025 của Chính phủ. Trường hợp xã, phường, đặc khu còn biên chế và có nhu cầu tuyển dụng nhưng chưa có đủ điều kiện để tổ chức kỳ tuyển dụng riêng thì tổng hợp, báo cáo UBND cấp tỉnh tổ chức tuyển dụng theo thẩm quyền và phân bổ số lượng người làm việc về các xã, phường theo yêu cầu.

Được huy động nguồn lực để ký kết hợp đồng

Bộ Nội vụ cũng đề nghị địa phương chủ động xây dựng phương án để thực hiện ký kết hợp đồng lao động hoặc [hợp đồng dịch vụ](#) đối với các công việc chuyên môn, nghiệp vụ hoặc hỗ trợ phục vụ mà nguồn nhân lực hiện có chưa đáp ứng được.

Theo đó, địa phương được ký kết hợp đồng lao động để hỗ trợ công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao tại các vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ ở cấp xã quy định tại Nghị định số 361/2025 của Chính phủ và quy định của Ban Tổ chức Trung ương về danh mục vị trí việc làm khối Đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội.

Người ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không tính trong biên chế được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kinh phí thực hiện ký hợp đồng do ngân sách nhà nước bảo đảm, nằm ngoài quỹ lương và ngoài kinh phí khoán chi hành chính của các tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Việc bố trí nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 144/2025 của Bộ Tài chính. Ngoài ra, các địa phương được huy động nguồn lực để thực hiện ký kết hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 173/2025 của Chính phủ.

Bộ Nội vụ cũng lưu ý các tỉnh, thành chủ động triển khai các giải pháp phù hợp với đặc thù của địa phương để bổ sung nguồn nhân lực cho cấp xã (điều động, bố trí, phân công công tác đối với nguồn từ nơi khác, điều chuyển biên chế...) theo thẩm quyền.

Tác giả: Lân Dũng, nguồn <https://tienphong.vn/>

Chậm nhất 1/7 phải hoàn thành bố trí, xếp lương viên chức tương ứng với vị trí việc làm

Chậm nhất đến ngày 01/7/2027, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải hoàn thành việc bố trí vào vị trí việc làm và xếp lương tương ứng với vị trí việc làm đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 304/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Viên chức (Kế hoạch). Trong đó nêu rõ thời hạn hoàn thành bố trí vào vị trí việc làm và xếp lương tương ứng với vị trí việc làm đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý.

Mục đích của Kế hoạch nhằm xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành, phân công và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức thi hành [Luật Viên chức](#) bảo đảm kịp thời, thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Luật trên phạm vi cả nước.

Tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện quản lý viên chức theo hướng năng động, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ viên chức chuyên nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc triển khai, thi hành Luật Viên chức và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn chuyên sâu về Luật Viên chức

Kế hoạch đã đưa ra các nhiệm vụ cụ thể để các bộ, ngành địa phương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện như sau:

Năm 2026 và các năm tiếp theo, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình khác phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan ở trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Viên chức và các điểm mới của Luật này bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế.

Đồng thời, tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến Luật Viên chức, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến, tập huấn chuyên sâu về Luật Viên chức, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này.

Ngoài ra, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc tạo lập, cập nhật, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức

Cơ quan chủ trì soạn thảo, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật được phân công tại [Danh mục](#) kèm theo Kế hoạch này. Bộ Tư pháp, các bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì soạn thảo, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm rà soát, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật Viên chức.

Hàng năm, Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức khác có liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; cung cấp, khai thác sử dụng hiệu quả thông tin, dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm dữ liệu thường xuyên được cập nhật, khai thác sử dụng hiệu quả.

Chậm nhất đến 01/7, hoàn thành việc bố trí vào vị trí việc làm và xếp lương tương ứng với vị trí việc làm

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tổng hợp, rà soát danh mục chức danh nghề nghiệp viên chức trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quản lý.

Trên cơ sở đó, căn cứ quy định tại Luật Viên chức năm 2025 và Nghị định của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức, chậm nhất đến ngày 01/7/2027, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải hoàn thành việc bố trí vào vị trí việc làm và xếp lương tương ứng với vị trí việc làm đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý.

Năm 2026 và các năm tiếp theo, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức kiểm tra việc thi hành Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Bộ Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong việc triển khai và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch này./.

Nguồn: <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/>



Kiến nghị bổ sung 2 ngày NGHỈ LỄ dịp QUỐC KHÁNH; giảm giờ làm việc xuống còn 40 đến 44 giờ/tuần

Tổ chức Công đoàn kiến nghị xem xét, bổ sung thêm 2 ngày nghỉ dịp Quốc khánh; giảm thời giờ làm việc xuống còn 40 đến 44 giờ/tuần; sửa đổi toàn diện Bộ luật Lao động năm 2019; bổ sung quy định doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí thời gian để người lao động được nghỉ làm và hưởng nguyên lương...

Hàng nghìn ý kiến, kiến nghị về việc làm, tiền lương, an sinh xã hội, nhà ở...

Ngày 4/6, tại Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XIV, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam kiến nghị Đảng, Nhà nước xem xét giảm thời giờ làm việc bình thường xuống còn 40-44 giờ/tuần; đồng thời bổ sung thêm 2 ngày nghỉ lễ dịp Quốc khánh 2/9 (nghỉ từ mùng 2 đến 5/9), tạo cơ hội cho người lao động được đưa con đến trường trong ngày khai giảng.



Phó Chủ tịch Tổng LĐLĐ Việt Nam Ngô Duy Hiếu trình bày Báo cáo tổng hợp kiến nghị của đoàn viên, người lao động, đề nghị xem xét bổ sung tăng 2 ngày nghỉ lễ dịp Quốc khánh. Ảnh Báo Lao Động

Cụ thể, trình bày Báo cáo tổng hợp kiến nghị của đoàn viên, người lao động và tổ chức Công đoàn với Đảng, Nhà nước, ông Ngô Duy Hiếu, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho biết, thông qua đại hội công đoàn các cấp, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn đã tiếp nhận hàng nghìn ý kiến, kiến nghị từ cơ sở, tổng hợp thành 60 nhóm vấn đề lớn liên quan đến việc làm, tiền lương, an sinh xã hội, nhà ở, điều kiện làm việc và hoạt động công đoàn.

Theo ông Ngô Duy Hiếu, những kiến nghị này phản ánh tâm tư, nguyện vọng của gần 10 triệu đoàn viên công đoàn và hàng chục triệu người lao động cả nước trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, với yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động đang đặt ra nhiều vấn đề mới về việc làm, quan hệ lao động và bảo đảm an sinh xã hội, đòi hỏi hệ thống chính sách, pháp luật tiếp tục được hoàn thiện để theo kịp thực tiễn.

Bổ sung quy định về chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho người lao động

Một trong những nội dung được Tổng Liên đoàn đặc biệt quan tâm là bổ sung các quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với bữa ăn ca; chăm sóc sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần cho người lao động; xây dựng các giải pháp hỗ trợ giảm căng thẳng, phòng chống kiệt sức nghề nghiệp trong môi trường làm việc áp lực cao.

Theo Tổng Liên đoàn, cùng với tốc độ phát triển kinh tế và chuyển đổi số ngày càng mạnh mẽ, áp lực công việc đối với người lao động cũng gia tăng đáng kể.

Việc quan tâm đến sức khỏe tinh thần không chỉ góp phần bảo vệ người lao động mà còn nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Kiến nghị sửa đổi toàn diện Bộ luật Lao động năm 2019

Tổng Liên đoàn cũng kiến nghị sửa đổi toàn diện Bộ luật Lao động năm 2019 theo hướng phù hợp với bối cảnh mới của thị trường lao động, sự phát triển của khoa học - công nghệ, AI, kinh tế nền tảng và các mô hình việc làm mới.

Việc sửa đổi cần mở rộng phạm vi bảo vệ đối với lao động phi chính thức - khu vực đang ngày càng gia tăng nhưng vẫn còn nhiều khoảng trống về chính sách.

Đồng thời, bổ sung các quy định về mô hình làm việc linh hoạt, kết hợp trực tiếp và trực tuyến nhằm thích ứng với xu hướng chuyển đổi số và phương thức quản trị hiện đại.



Kiến nghị giảm thời giờ làm việc; bổ sung thêm 2 ngày nghỉ lễ dịp Quốc khánh

Đáng chú ý, Tổng Liên đoàn tiếp tục đề nghị nghiên cứu lộ trình giảm thời giờ làm việc bình thường xuống còn từ 40 đến 44 giờ/tuần, tiến tới tương đồng với khu vực công.

Cùng với đó là kiến nghị bổ sung thêm 2 ngày nghỉ lễ dịp Quốc khánh, kéo dài thời gian nghỉ từ ngày 2 đến ngày 5-9 hằng năm.

Theo Tổng Liên đoàn, đề xuất này không chỉ bảo đảm tốt hơn quyền được nghỉ ngơi của người lao động mà còn tạo điều kiện để các bậc phụ huynh đưa con tới trường trong dịp khai giảng năm học mới.

Việc thực hiện sẽ gắn với các giải pháp nâng cao năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trong giai đoạn tới.

Bổ sung quy định doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí thời gian để người lao động được nghỉ làm và hưởng nguyên lương

Một kiến nghị khác cũng nhận được sự quan tâm là bổ sung quy định doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí thời gian để người lao động được nghỉ làm và hưởng nguyên lương nhằm học tập chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nội dung này có thể được gắn với Ngày Pháp luật Việt Nam (9/11) hằng năm nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức công dân và văn hóa tuân thủ pháp luật trong đội ngũ người lao động.

Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội cho công nhân thuê, thuê mua

Trong lĩnh vực an sinh xã hội, Tổng Liên đoàn đề xuất đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội cho công nhân thuê hoặc thuê mua, ưu tiên bố trí trong hoặc gần các khu công nghiệp để giảm chi phí sinh hoạt, thời gian đi lại và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đồng thời, cần có giải pháp kiểm soát tình trạng đầu cơ, mua bán chênh lệch nhà ở xã hội. Triển khai các gói tín dụng ưu đãi dài hạn giúp người lao động có nhu cầu thực sự tiếp cận nhà ở phù hợp với thu nhập.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cũng kiến nghị Quốc hội bổ sung nội dung xây dựng Luật Tổ tụng Lao động vào Chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội khóa XVI nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc đang gặp phải và hướng tới giải quyết tranh chấp lao động chuyên nghiệp, nhanh chóng và hiệu quả, phù hợp tính linh hoạt của thị trường lao động và sự khác biệt của tranh chấp lao động so với tranh chấp dân sự.

Người lao động được nghỉ, hưởng nguyên lương 11 ngày lễ

Theo Bộ luật Lao động, người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương 11 ngày lễ, Tết gồm:

Tết Dương lịch được nghỉ 1 ngày (ngày 1/1 dương lịch);

Tết Âm lịch 5 ngày;

Ngày Chiến thắng 1 ngày (ngày 30/4 dương lịch);

Ngày Quốc tế lao động 1 ngày (ngày 1/5 dương lịch);

Quốc khánh 2 ngày (ngày 2/9 dương lịch và 1 ngày liền kề trước hoặc sau);

Giỗ Tổ Hùng Vương được nghỉ 1 ngày (ngày 10/3 âm lịch).

Năm 2026, người lao động có thêm kỳ nghỉ vào Ngày Văn hóa Việt Nam

Tại kỳ họp thứ nhất vừa qua, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Nghị quyết về phát triển văn hóa Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ 1/7/2026.

Nghị quyết quy định ngày 24/11 hàng năm là Ngày Văn hóa Việt Nam, người lao động được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương.

Như vậy, năm 2026, Việt Nam có 12 ngày lễ, Tết, người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương./.

Nguồn: <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn>

Tạo đột phá thu hút nhân lực khoa học công nghệ theo tinh thần Nghị quyết 57

Hàng loạt cơ chế mới về tiền lương, đãi ngộ, tự chủ học thuật và hỗ trợ nghiên cứu đang được triển khai nhằm tạo sức hút mạnh hơn đối với đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao. Vấn đề đặt ra hiện nay không còn nằm ở việc thiếu chính sách mà là tổ chức thực hiện hiệu quả để đưa chính sách vào cuộc sống.

Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cùng Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đã tạo nền tảng quan trọng cho việc hoàn thiện hệ thống chính sách trong lĩnh vực này.

Bà Vũ Thị Là, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ KH&CN) cho biết, thời gian qua, Bộ KH&CN đã rà soát toàn diện các cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút, trọng dụng nhân tài và nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.



Nhiều cơ chế đãi ngộ vượt trội cho nhà khoa học -
Ảnh: VGP/TG

Kết quả rà soát cho thấy hiện có 10 luật, 12 nghị định và 6 quyết định của Thủ tướng Chính phủ đang điều chỉnh các chính sách thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ.

Đáng chú ý, nhiều văn bản quan trọng mới được ban hành trong năm 2025 trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về nhân lực khoa học công nghệ.

Trong đó có Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Nghị định số 179 về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 263 hướng dẫn thi hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo với nhiều quy định cụ thể đối với nhân tài khoa học công nghệ, nhà khoa học

trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng; cùng Nghị định số 249 về cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nhiều cơ chế đãi ngộ vượt trội cho nhà khoa học

Một trong những điểm mới đáng chú ý trong các văn bản trên là cơ chế tiền lương theo hướng mở và cạnh tranh hơn. Theo đó, đối với nhà khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, việc chi trả được thực hiện theo hợp đồng với mức lương không áp dụng trần.

Đối với trường hợp được tuyển dụng làm công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước, nhà khoa học trẻ và sinh viên xuất sắc được hưởng mức phụ cấp tăng thêm tối đa tới 150%; trong khi chuyên gia và nhà khoa học có thể được hưởng phụ cấp tăng thêm tới 300% theo quy định.

Bên cạnh chính sách tiền lương, cơ chế thưởng dành cho nhân tài khoa học công nghệ cũng được thiết kế theo hướng vượt trội. Theo đó, một số đối tượng như nhân tài hoặc tổng công trình sư có thể được hưởng mức thưởng cao, tương ứng tới 6 lần hoặc 4 lần mức lương ký hợp đồng tùy từng trường hợp cụ thể.

"Đây được đánh giá là cơ chế đãi ngộ vượt trội, chưa từng được áp dụng trước đây nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ nhân lực chất lượng cao", bà Vũ Thị Là cho biết.

Ngoài thu nhập, Bộ KH&CN cho biết các chính sách mới cũng tăng cường bảo đảm quyền tự chủ học thuật của nhà khoa học; tạo điều kiện chủ động sử dụng phòng thí nghiệm do Nhà nước đầu tư; tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh; được cử đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.

Đáng chú ý, theo quy định mới, nhà khoa học tham gia đào tạo dài hạn ở nước ngoài vẫn được hưởng nguyên mức lương hiện hưởng – thay vì chỉ được hưởng một phần như trước đây.

Ngoài ra, nhiều chính sách hỗ trợ khác cũng được thiết kế như hỗ trợ nhà ở, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng cho bản thân nhà khoa học và gia đình.

Theo bà Vũ Thị Là, hệ thống chính sách hiện hành về cơ bản đã tương đối đầy đủ, đồng thời tạo được sức hấp dẫn cần thiết để thu hút và giữ chân đội ngũ nhà khoa học trẻ, đặc biệt là các nhà khoa học trẻ tài năng.

Trước đó, Bộ trưởng Bộ KH&CN Vũ Hải Quân cũng thông tin về định hướng xây dựng các chương trình riêng dành cho nghiên cứu sinh, sinh viên tài năng và nhà khoa học trẻ nhằm tạo điều kiện tiếp cận nguồn lực, phát huy năng lực nghiên cứu. Chương trình này dự kiến được ban hành vào tháng 9/2026.

Theo Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Hoàng Phương, vấn đề quan trọng hiện nay là tổ chức thực hiện hiệu quả để chính sách phát huy tác dụng trong thực tiễn.

Theo Thứ trưởng, có những cơ chế mới chỉ vừa được ban hành nên cần thêm thời gian để tạo ra tác động thực tế. Đồng thời, việc triển khai không chỉ thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN mà còn liên quan đến nhiều lĩnh vực như tài chính, giáo dục và đào tạo, nội vụ cũng như sự phối hợp của các bộ, ngành, địa phương.

Thứ trưởng đề nghị các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và cộng đồng nhà khoa học mạnh dạn áp dụng các cơ chế mới. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Bộ KH&CN sẽ phối hợp hướng dẫn, tiếp tục rà soát và đề xuất sửa đổi các quy định chưa phù hợp nhằm đưa chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài đi vào cuộc sống.

Tác giả: Thu Giang, nguồn <https://baochinhphu.vn/>

THÔNG TIN CCHC CỦA TỈNH

Lai Châu giảm 340 thôn, bản: Tinh gọn để phát triển bền vững

Lai Châu triển khai phương án sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố, giảm 340 đầu mối, nâng cao hiệu quả quản trị cơ sở, giữ gìn bản sắc và tạo động lực phát triển.

Từ những bản làng cheo leo bên sườn núi, những khu dân cư nằm biệt lập giữa đại ngàn biên giới đến các tổ dân phố nơi trung tâm, một cuộc sắp xếp quy mô lớn đang được tỉnh [Lai Châu](#) triển khai với quyết tâm cao. Không chỉ là câu chuyện giảm đầu mối hay tinh giản bộ máy, đây còn là bước đi mang tính chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả quản trị cơ sở, tiết kiệm nguồn lực và tạo dư địa cho phát triển trong giai đoạn mới.



Người dân đồng thuận với chủ trương sáp nhập thôn, bản tại xã Sin Suối Hồ.



Phóng viên Báo Công Thương trao đổi với Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu Lò Văn Hương.



Việc lấy ý kiến về sáp nhập thôn, bản được các xã tổ chức trực tiếp đến từng người dân.

Tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả quản trị cơ sở

Đến thời điểm tháng 6/2026, Lai Châu có 956 thôn, bản, tổ dân phố, gồm 859 thôn, bản và 97 tổ dân phố. Tuy nhiên, qua kết quả rà soát của tỉnh cho thấy chỉ có 184 đơn vị đạt tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình theo quy định; còn tới 772 đơn vị chưa đạt chuẩn, chiếm hơn 80%. Đây là đặc thù địa lý và lịch sử hình thành cộng đồng dân cư tại một tỉnh miền núi biên giới có địa hình chia cắt mạnh. Nhiều bản chỉ có vài chục hộ dân, nằm cách xa nhau hàng kilomet đường rừng, đường núi. Không ít khu dân cư được hình thành từ lâu đời, gắn với phong tục tập quán và đặc điểm cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Thực trạng này dẫn đến việc số lượng đầu mối tổ chức lớn trong khi quy mô dân cư nhỏ, làm tăng số người hoạt động không chuyên trách và chi phí ngân sách dành cho bộ máy cơ sở.

Theo phương án được phê duyệt, Lai Châu sẽ thực hiện sắp xếp 554 thôn, bản, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn nhưng có điều kiện thuận lợi để tổ chức lại; đồng thời tiếp tục sắp xếp thêm 73 đơn vị đã đạt chuẩn nhưng có vị trí liên kề, tương đồng về văn hóa và thuận lợi trong quản lý. Song song với đó, tỉnh sẽ thành lập mới 4 bản từ 7 cụm dân cư đặc biệt nằm biệt lập ở các xã Bum Tở, Tà Tổng và Mù Cả nhằm bảo đảm công tác quản lý dân cư, quốc phòng, an ninh và phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Sau khi hoàn thành toàn bộ phương án, Lai Châu sẽ còn 616 thôn, bản, tổ dân phố, giảm 340 đơn vị so với hiện nay. Đáng chú ý, tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình sẽ tăng từ 19,25% lên 55,68%. Đây là bước chuyển lớn, giúp nâng cao hiệu quả quản lý dân cư, triển khai chính sách an sinh xã hội, tổ chức các phong trào thi đua và phát triển [kinh tế](#) - xã hội tại cơ sở.

Không dừng ở việc sắp xếp địa bàn dân cư, tỉnh đồng thời kiện toàn hệ thống [chính trị](#) tại cơ sở. Các chi bộ sẽ được hợp nhất theo đơn vị mới; Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội được sắp xếp đồng bộ nhằm giảm chồng chéo, nâng cao hiệu quả hoạt động. Tỉnh cũng tiếp tục đẩy mạnh mô hình bí thư chi bộ kiêm trưởng bản hoặc trưởng Ban Công tác Mặt trận tại những nơi đủ điều kiện, góp phần tinh gọn đầu mối và tăng tính thống nhất trong lãnh đạo, điều hành.

Giữ gìn bản sắc và tạo đồng thuận

Điều làm nên điểm khác biệt trong phương án của Lai Châu là quan điểm không chạy theo số lượng hay chỉ tiêu giảm đầu mối bằng mọi giá. Là địa phương có hơn 20 dân tộc cùng sinh sống, nhiều cộng đồng dân cư được hình thành từ hàng trăm năm trước, việc sắp xếp luôn phải đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa yêu cầu quản lý và gìn giữ bản sắc văn hóa.

Chính vì vậy, bên cạnh những đơn vị được sáp nhập, tỉnh vẫn quyết định giữ nguyên 218 thôn, bản, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình. Đây chủ yếu là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới hoặc những nơi có điều kiện địa hình đặc biệt khó khăn. Có những bản ở khu vực biên giới giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự. Một số nơi mang đặc trưng riêng về dân tộc, tín ngưỡng, phong tục tập quán, sáp nhập cơ học có thể ảnh hưởng tới sự gắn kết cộng đồng và bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống.



Giám đốc Sở Nội vụ Lai Châu Lò Văn Hương cho biết: “Lai Châu là tỉnh miền núi và địa hình chia cắt trong quá trình lịch sử hình thành các thôn bản, vì vậy, việc xây dựng phương án và triển khai được thực hiện thận trọng, vừa đảm bảo tiêu chí mà không ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, quản lý của chính quyền cấp xã cũng như sinh hoạt của người dân. Một số bản có yếu tố đặc thù về lịch sử hình thành, văn hóa..., tỉnh luôn chú trọng duy trì, bảo tồn”.

Xã Sin Suối Hồ tổ chức lấy ý kiến nhân dân trước khi thực hiện chủ trương sáp nhập thôn, bản.

Thực tế tại xã Sin Suối Hồ, địa phương có số lượng bản dự kiến sáp nhập nhiều nhất, từ 35 bản giảm xuống còn 18 bản, ghi nhận tại buổi họp lấy ý kiến, người dân nơi đây bày tỏ sự đồng thuận cao với chủ trương của tỉnh. Chủ tịch UBND xã Sin Suối Hồ Nguyễn Văn Quỳnh cho biết: “Xã có 5 dân tộc sống đan xen, trong đó chủ yếu là đồng bào Dao, Thái, Mông, Giáy. Bà con đồng thuận cao về chủ trương sáp nhập. Với thực trạng cơ sở vật chất các nhà văn hóa ở các điểm bản chưa đáp ứng được, xã cũng đã có phương án đề xuất”.

Ông Lò Văn Chấn (bản Thèn Sin 2) cho biết: “Chúng tôi nhất trí với chủ trương sáp nhập này. Bản được mở rộng, bà con thêm gắn bó và được cùng nhau phát triển kinh tế”.

Nguồn: <https://www.vietnam.vn/>

Lai Châu thông qua 8 nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội

Ngày 17/6, HĐND tỉnh Lai Châu khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã bế mạc Kỳ họp thứ tư với 8 nghị quyết đã được thông qua để tiếp tục thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, 2 nội dung rất sát cơ sở là công tác giảm nghèo và tỷ lệ cứng hóa đường giao thông được quan tâm cao.

Theo đại biểu Nguyễn Bảo Đông, năm 2025, Lai Châu có 18.719 hộ nghèo, chiếm 17,24%, giảm 2.242 hộ nghèo, tương ứng giảm 2,22% so với cuối năm 2024; có 10.317 hộ cận nghèo, chiếm 9,5%, tăng 264 hộ cận nghèo, tương ứng tăng 0.17 % so với cuối năm 2024. Số liệu này cho thấy công tác giảm nghèo tại Lai Châu chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, đời sống của một số bộ phận người dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn khó khăn.



*Các đại biểu tham dự
Kỳ họp. Ảnh: Quý
Trung/TTXVN*

Trong giai đoạn 2021- 2025, từ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tỉnh đã triển khai hỗ trợ đầu tư mới 217 công trình, đầu tư chuyển tiếp 107 công trình duy tu, bảo dưỡng 138 công trình sau đầu tư, hỗ trợ nhân rộng 133 mô hình giảm nghèo, 84 dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, hỗ trợ đào tạo nghề cho 33.499 lao động nông thôn, hỗ trợ 1921 người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tạo việc làm cho 37.613 lao động trong tỉnh. Hình thành sàn giao dịch làm việc trực tuyến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng nghèo; hỗ trợ 9754 hộ xây mới, sửa chữa nhà ở, giúp dân ổn định chỗ ở, an tâm lao động và phát triển sản xuất.

Về giải pháp căn cơ để giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 – 2030, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Hà Trọng Hải cho biết, Lai Châu sẽ tập trung bám sát Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; các Nghị quyết của HĐND tỉnh, cụ thể hóa vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm để tổ chức, triển khai có hiệu quả.

Đồng thời, tỉnh lồng ghép với chương trình, dự án từ các nguồn lực khác để triển khai nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, hỗ trợ, tạo sinh kế để người dân có cơ hội tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập, tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội; đề cao vai trò chủ thể của người dân trong các hoạt động giảm nghèo. Tỉnh cũng tăng cường phân cấp, phân quyền cho cơ sở để chủ động thực hiện các nhiệm vụ quản lý, đầu tư trong quá trình thực hiện; tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường minh bạch thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh; qua đó góp phần khơi thông nguồn lực, tạo công ăn, việc làm; thúc đẩy các dịch vụ phát triển góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao dân trí và thu nhập cho người dân.

Đối với nội dung cứng hóa đường giao thông tại một số bản, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã xác định chỉ tiêu đến năm 2030 trên 95% đường xã được cứng hóa.

Đến ngày 31/5/2026, tỉnh có 2.278 km đường xã, tỷ lệ cứng hóa đạt gần 80% (1820 km), còn lại 21% (458 km) chưa được cứng hóa 2 (theo Thông tư 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng gồm kết cấu bê tông hóa hoặc nhựa hóa).

Toàn tỉnh còn 58/956 bản có đường đến bản nhưng chưa được cứng hóa, tương ứng 54 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 323 km, hiện trạng là đường cấp phối đá dăm và đường đất. Theo kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030, dự kiến đầu tư đường đến 21 bản được cứng hóa với chiều dài khoảng 181 km.

UBND tỉnh Lai Châu đã giao các sở, ngành và địa phương rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư theo thứ tự ưu tiên; tập trung lồng ghép nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu Lê Minh Ngân nhấn mạnh, giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với tỉnh Lai Châu. Các xã, phường cũng phải xây dựng chương trình thực hiện, cụ thể hóa các Nghị quyết của tỉnh; tổ chức sản xuất, phát huy các mô hình giảm nghèo, đầu tư cơ sở hạ tầng; kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư, tạo môi trường lao động có kỹ thuật, có kỷ luật, hiệu quả; đồng thời tăng cường cải cách hành chính, giảm bớt các thủ tục đầu tư; phân cấp, phân quyền, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong chỉ đạo thực hiện...

Phát triển hạ tầng giao thông là một trong ba khâu đột phá được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, vì vậy cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để thực hiện; mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ đường xã được cứng hóa đạt 95%.

Để thực hiện mục tiêu này, hai yếu tố then chốt là nguồn lực và tổ chức thực hiện. Tỉnh sẽ lồng ghép nguồn vốn đầu tư công với các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời tiếp tục phân cấp, tăng nguồn thu và nhiệm vụ chi cho cấp xã.

6 tháng cuối năm 2026, Lai Châu trung thực hiện tốt các nhóm nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thành cao nhất mục tiêu tăng trưởng GRDP từ 10% trở lên. Theo đó, tỉnh tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; phát huy tối đa tiềm năng nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp chế biến, du lịch, kinh tế cửa khẩu; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tạo động lực tăng trưởng mới.

Tỉnh cũng tập trung huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; quyết liệt tăng thu, chống thất thu ngân sách; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm: Trường liên cấp, hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên, dự án đường cao tốc Bảo Hà - Lai Châu./.

Tác giả: Nguyễn Oanh/TTXVN, nguồn <https://dantocmiennui.baotintuc.vn/>

Lai Châu công bố quyết định về công tác cán bộ

Ngày 15.6, UBND tỉnh tổ chức hội nghị công bố quyết định về công tác cán bộ.

Theo quyết định số 1189 của Chủ tịch UBND tỉnh, bổ nhiệm ông Lương Việt Thảo - Quyền Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giữ chức vụ Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm là 5 năm, kể từ ngày 15.6.2026.

Phát biểu nhận nhiệm vụ, ông Lương Việt Thảo khẳng định sẽ nỗ lực hết mình, nêu cao tinh thần gương mẫu để cùng tập thể xây dựng khối đoàn kết, dân chủ, minh bạch. Trong thời gian tới, đơn vị sẽ tập trung đôn đốc các nhà thầu thi công nhằm bảo đảm chất lượng, tiến độ và tối ưu hóa hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công.



Ảnh: UBND tỉnh Lai Châu

Theo quyết định số 1186 của Chủ tịch UBND tỉnh, tiếp nhận ông Dương Quốc Huy - Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy đến nhận nhiệm vụ tại Sở Tài chính, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm là 5 năm, kể từ ngày 15.6.2026.

Phát biểu nhận nhiệm vụ, ông Dương Quốc Huy hứa tiếp tục nỗ lực học tập, rèn luyện, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo, quản lý để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Tác giả: Quang Đạt, nguồn <https://laodong.vn/>



Cán bộ nữ Thanh tra tỉnh Lai Châu trao đổi nghiệp vụ tại cơ quan. Ảnh: Bùi Bình

Thanh tra Lai Châu bồi dưỡng nguồn nữ lãnh đạo kế cận

Không chỉ tạo điều kiện để cán bộ nữ nâng cao năng lực, Thanh tra tỉnh Lai Châu đang hướng tới xây dựng đội ngũ nữ lãnh đạo kế cận thông qua công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng nhân sự.

Trong bối cảnh yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ ngày càng cao, việc phát hiện, đào tạo và tạo cơ hội phát triển cho cán bộ nữ đang được Thanh tra tỉnh Lai Châu xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng.

Không chỉ dừng lại ở việc bảo đảm cơ hội tham gia bình đẳng, cơ quan còn hướng tới khai thác hiệu quả nguồn nhân lực nữ, tạo điều kiện để phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các vị trí lãnh đạo, quản lý và quá trình hoạch định chính sách.

Những định hướng này được cụ thể hóa trong Kế hoạch triển khai Chương trình tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2026 - 2030 vừa được Thanh tra tỉnh ban hành.

Điểm đáng chú ý là các chỉ tiêu được đặt ra khá cụ thể. Đến năm 2030, cơ quan phấn đấu từ 70% đến 75% số phòng có lãnh đạo, quản lý là nữ; tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý đạt 40%.

Đồng thời, 90% cán bộ nữ trong diện quy hoạch được tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng nâng cao năng lực.

Đứng sau những con số này là định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ nữ có đủ phẩm chất, năng lực và bản lĩnh để đảm nhận các vị trí quan trọng trong tương lai.

Thay vì chỉ chú trọng bổ sung nhân sự khi phát sinh nhu cầu, Thanh tra tỉnh lựa chọn cách chuẩn bị nguồn nhân lực từ sớm, thông qua công tác quy hoạch và đào tạo có trọng tâm, trọng điểm.

Một trong những nội dung được quan tâm là việc đánh giá toàn diện thực trạng đội ngũ cán bộ nữ để làm cơ sở xây dựng lộ trình phát triển phù hợp. Việc đào tạo, bồi dưỡng không chỉ phục vụ yêu cầu trước mắt mà còn hướng tới mục tiêu lâu dài là hình thành lớp cán bộ nữ kế cận cho các vị trí lãnh đạo, quản lý.

Bên cạnh đó, cơ hội phát triển cũng được mở rộng đối với cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số. Thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực, Thanh tra tỉnh mong muốn tạo thêm điều kiện để đội ngũ này tham gia nhiều hơn vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, qua đó phát huy nguồn nhân lực tại chỗ và tăng tính đại diện trong bộ máy hành chính.

Theo ông Lê Tuấn Anh, Chánh Thanh tra tỉnh Lai Châu, việc phát triển đội ngũ cán bộ nữ không đơn thuần là đáp ứng yêu cầu về cơ cấu hay các chỉ tiêu bình đẳng giới. Quan trọng hơn, đây là giải pháp để khai thác hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng, tạo thêm động lực đổi mới trong hoạt động của cơ quan. Khi được tạo điều kiện học tập, rèn luyện và cống hiến, cán bộ nữ hoàn toàn có khả năng đảm nhận những vị trí quan trọng, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của ngành Thanh tra.

Các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới, vai trò và tiềm năng của phụ nữ trong đời sống xã hội cũng sẽ được đẩy mạnh trong thời gian tới. Qua đó, góp phần lan tỏa những giá trị tích cực, tạo sự đồng thuận và thúc đẩy sự tham gia ngày càng thực chất của phụ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý. **Tác giả: Bùi Bình, nguồn <https://thanhtra.com.vn>**



Quy định mới về chế độ tiền thưởng từ 1.7.2026

Chính phủ đã ban hành Nghị định 161/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ 1.7.2026 quy định chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Tác giả: Hoàng Khôi, nguồn <https://laodong.vn>